

CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA HỌ NGUYỄN XỨ ĐÀNG TRONG

TRẦN ĐÌNH HÀNG^(*)

Ở vùng đất mới “nhỏ nhoi, tựa núi, day mặt ra biển, phá rừng bụi, đuổi hùm voi để định chỗ ở” chứa đựng và thường xuyên tiếp nhận vô vàn chông gai thì việc dựng nghiệp đòi hỏi họ Nguyễn phải có chính sách tiến bộ về nhân lực, thu hút nhân tài, ổn định lòng người. Đặc biệt ở vấn đề nhân tâm, tôn giáo trở thành điểm mấu chốt trong đời sống tinh thần của cư dân vùng đất mới, phản ánh sâu sắc sự mềm dẻo nhưng cương quyết của chính quyền Nam Hà về vấn đề vô cùng nhạy cảm, tế nhị này.

Trên bước đường Nam tiến, họ Nguyễn đã thực sự thành công trong vấn đề nhân lực - nhân tài - nhân tâm. Theo Lê Quý Đôn thì “hàng sản, hàng tâm” chính là cái gốc trong việc vỗ trị xứ Thuận Quảng và như vậy, hoàn toàn không phải ngẫu nhiên hình ảnh Bà Trời áo Đỏ - Thiên Mụ tự ra đời trên nền một ngôi chùa cổ gỗ hầu phát triển Phật giáo, làm chất keo kết dính tính cố kết cộng đồng, xác định và xây dựng hệ tư tưởng chính thống, định hướng toàn xã hội qua vấn đề tôn giáo; đồng thời, đạo Chúa buổi đầu trên xứ Đàng Trong vẫn được tự do một khi chưa bộc lộ rõ sắc áo thương mại, chính trị.

1. Phật giáo

Trên cơ sở kế thừa di sản của cư dân tại vùng đất mới, họ Nguyễn đã tiếp cận và cải biến thực tại khách quan để thu

hút nhân tài, phục vụ cho chiến lược phát triển của chính thể mới. “Ô châu cận lục” cho biết vùng Thuận Hóa có nhiều chùa cổ, ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội, như chùa Sùng Hóa (Lại Ân - Phú Vang): “Hàng năm, đến tuần tiết tập nghi thì Tam ti với quan chức các nha môn, vệ, sở đều đến hội họp đông đủ..., và lại mỗi lần cầu đảo đều có ứng nghiệm, là ngôi chùa có tiếng ở Hóa châu”⁽¹⁾.

Buổi đầu, đây chính là cơ sở tiên phát giúp chính quyền Đàng Trong quan tâm đầu tư sửa chữa hoặc xây dựng mới ngay trên nền các ngôi cổ tự này; về sau, mới có điều kiện để phát triển chùa chiền một cách rộng khắp. Bằng nhiều chính sách khuyến mộ phật pháp, trọng đãi sư tăng, họ Nguyễn đã tích cực chú trọng phát triển Phật giáo để “...mong xây dựng một xã hội mà mọi người ai ai cũng được sống thì an lạc và tràn trề hạnh phúc” nhờ “thiên hạ sớm biết mà bỏ dần tư tưởng cục bộ sai lầm, thiếu tinh thần xây dựng đời sống chung...”; bản văn bia tổ sư Nguyễn Thiều tại chùa Quốc Ân (dựng năm 1730) cũng đã đúc kết, khẳng định: “Nhìn lại quá trình của nước ta từ khi khai quốc dựng nước đến nay, trên từ vua

*. Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại Thành phố Huế.

chúa, quan quân, cho đến thú dân, đầu đầu cũng lập chùa dựng am, cung đón và đào tạo tăng tài, cúng dường Phật tử..."⁽²⁾. Hầu hết dân chúng là những Phật tử sùng đạo, kính trọng và quan tâm sâu sắc đến tầng lớp sư tăng, làm cho họ "chẳng lo nghèo nàn, vì được khách hành hương giàu tín ngưỡng chăm lo một cách hào phóng"⁽³⁾.

Hiện tượng các chúa thỉnh mời cao tăng, pháp khí từ Trung Hoa⁽⁴⁾ cũng là một khía cạnh biểu hiện Phật giáo Đàng Trong còn nhiều khoảng trống, nhằm giải quyết kịp thời nhu cầu thực tế về tư tưởng. Hơn nữa, vị thế "Thiên triều" của Trung Hoa vẫn rất đậm nét - không chỉ Nho mà còn ở cả Phật giáo. Một ảnh hưởng ngoại lực, trong một chừng mực nào đó ở một hoàn cảnh cụ thể, có thể đủ sức bình ổn hoặc định hướng được một tình trạng thiếu đỉnh cao của Phật giáo trong nước. Chính một nhà sư cực đoan đến mức "sô vanh" như Thích Đại Sán cũng rất đổi tự hào:

Annam quốc thổ bất nhị môn, mạc
thác quá khứ

(Annam đất nước chẳng hai lòng, chớ
lầm bỏ sót)

Thuận Hóa thiên lâm đệ nhất bộ,
hướng giá quý lai.

(Thuận Hóa rừng thiên có một bước,
xin cứ tiến vào).

Việc trùng tu, xây dựng chùa chiền được nhà nước chú trọng. Xem xét các sự kiện có liên quan đến Phật giáo, có thể thấy tác giả "Trịnh - Nguyễn diễn chí" thật có lí khi cho rằng chúa Tiên vốn không mấy cảm tình với tôn giáo này bởi trước mốc chính thức khai lập Thiên Mục tự [1601] thì khó tìm được một sử liệu có

nội dung tương tự - đây là bước ngoặt lớn trong nhận thức chính trị của chúa Nguyễn, mở đầu cho một tư tưởng mới. Hàng loạt chùa chiền mới được sửa sang, xây dựng và có những công trình được nhà nước đầu tư lớn, tiến hành quy mô trong một thời gian dài⁽⁵⁾. Những cố gắng tương tự đã bổ sung cho hệ thống chùa chiền thêm dày đặc, phong phú. Năm 1750, Pierre Poivre ghi nhận rằng chỉ riêng tại Huế và vùng phụ cận đã có gần 400 ngôi chùa⁽⁶⁾. Do vậy mà đội ngũ tăng ni trở nên khá đông đảo, đến nỗi "nên án tăng đồ bán đạo lộ" - sư sãi chiếm hơn một nửa người đi đường - và đó là một thực tế mà sau này nhà Tây Sơn phải chấn chỉnh bằng các sắc lệnh cấm lập chùa riêng, mỗi phủ chỉ còn một ngôi chùa, thực hiện việc sát hạch tăng đồ gắt gao.

Không hoàn toàn bởi sự ưu đãi như vậy mà dễ dẫn đến tình trạng tự phát⁽⁷⁾; thực ra, các chúa Nguyễn từ rất sớm đã chú ý chấn chỉnh tình hình Phật giáo. Sư tăng phải được cấp giấy "độ điệp" (giới điệp) sau mỗi kì giới đàn và nhờ đó, họ mới được tha miễn sưu dịch. Nhà chúa mở nhiều đại giới đàn để tôn vinh Phật giáo và cũng nhằm xúc tác cho tâm lí cầu an, cầu đảo đối với quốc kế dân sinh. Đại Sán Hán Ông đến Huế đã mở ba pháp đàn truyền giáo (Sadi, Tì kheo và Bồ tát giới); trong hành trình, ông đã kể lại chi tiết các sự kiện này và có thể nói, ảnh hưởng của một vị cao tăng Trung Hoa đã thu hút nhiều Phật tử. Sau đợt làm phép "Cổ phật khát thực" đầu tiên (4/1695), đã có hơn 1.400 tân giới tử và có "giới điệp để cấp phát cho các giới tử, đều đóng kiềng vương ấn". Là một nhà truyền giáo tận tâm, có thể làm việc quên mình, ông cũng

tổ chức truyền giới cho hơn 300 người ngay trong lúc chờ tàu trở về tại Hội An⁽⁸⁾.

Phật giáo Đàng Trong có sự tích hợp, tiếp nối và bổ sung nhau giữa các thiên phái Trúc Lâm, Lâm Tế, Tào Động và Liễu Quán - bao gồm cả các nhà sư từ Trung Hoa sang như thiền sư Nguyên Thiều, Minh Hoàng, Minh Hải... (Thiền Lâm Tế); Thạch Liêm, Quả Hoàng, Giác Phong... (Tào Động) và một số thiền sư khác như Tử Lâm, Tế Viên...; vai trò điều tiết của nhà nước là một điều kiện rất quan trọng, được thể hiện rõ nét. Trong buổi đầu, phái Thiền Trúc Lâm được phục hưng với sự đóng góp của các thiền sư Viên Cảnh, Viên Khoang, đặc biệt là sư Minh Châu - Hương Hải (Tổ Cầu). Nhưng sự kiện sư Tổ Cầu cùng 50 đệ tử bỏ ra Đàng Ngoài năm 1682 đã dẫn đến tình trạng khủng hoảng tăng chúng sâu sắc⁽⁹⁾. Bối cảnh đó đưa đến sự lên ngôi của phái Thiền Lâm Tế bằng việc chúa Nguyễn thỉnh mời thiền sư Nguyên Thiều từ chùa Thập Tháp (Quy Nhơn) ra Thuận Hoá, lập chùa Phổ Thành (Hà Trung - năm 1683) và sau đó khai sơn chùa Vĩnh Ân (sau thành Quốc Ân). Bị kịch sau đó cũng lặp lại bởi lí do chính trị nhạy cảm, sư Nguyên Thiều bỏ trốn vào Đồng Nai năm 1694 bởi sự liên lụy với các cuộc chính biến⁽¹⁰⁾. Để giải quyết tình trạng đó, chúa Nguyễn cho người sang Trung Hoa thỉnh mời Thạch Liêm hòa thượng (phái Tào Động) sang hoàng dương thay thế phái thiền Lâm Tế. Tuy nhiên, phái Tào Động đã không tạo được những ảnh hưởng lớn và phái thiền Lâm Tế vẫn giữ vị thế độc tôn; sau này, thiền sư Liễu Quán (1667 - 1742) đã tu luyện, dung hợp hai phái để khai sinh ra thiền Liễu Quán.

Phật giáo đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng hệ tư tưởng và cấu thành di sản văn hoá tinh thần xứ Đàng Trong. Những tiền đề vững chãi từ thời các chúa Nguyễn đã được tích cực bổ sung dưới thời các vua Nguyễn, góp phần làm cho văn hoá vùng thủ phủ xứ Đàng Trong - văn hoá Huế mang đậm tính huyền diệu, sâu lắng của một nền văn hoá Phật giáo.

2. Công giáo

Văn hoá Việt Nam vốn dĩ ứng trước những biểu hiện ngoại lai đột biến, và trên một vùng đất mới, các thành tố văn hoá vừa mới manh nha bản sắc thì sự thận trọng là điều tối cần thiết, đặc biệt nó lại càng nặng nề hơn khi những yếu tố lạ lẫm đó có thể có nguy cơ làm phương hại tới cuộc sống yên bình của dân chúng cũng như độc lập dân tộc đối với nhà chức trách.

Một khi Phật giáo đã thăng hoa, được chọn làm hệ tư tưởng chính thống, xã hội lấy mô hình Nho giáo làm kỉ cương giềng mối cùng bao tập tục, lễ nghi truyền thống phụ trợ với “nguyên lí Mẹ” xuyên suốt, v.v... thì các quan điểm, biểu hiện khác lạ khó lòng xâm nhập, bám rễ trong lòng đời sống xã hội.

Đó là bối cảnh xã hội vốn chứa đựng những yếu tố đề kháng mạnh mẽ mà đạo Chúa gặp phải tại Đàng Trong nói riêng, Việt Nam - phương Đông nói chung và ngày càng được gia tăng nồng độ cùng với những biểu hiện bên ngoài cố xâm nhập - bên trong hết sức ngăn chặn, kiểm soát bởi những mục đích riêng đặc thù; làm cho khoảng cách chênh lệch càng khó hàn gắn được. Do vậy mà khác hẳn Phật giáo, với đạo Chúa thì những êm đẹp buổi đầu dễ qua đi, các sắc lệnh cấm đạo ngày càng

gắt gao; Phú Xuân là nơi nguy hiểm với các nhà truyền giáo và giáo dân vùng dinh chúa cũng thường chịu những áp lực nặng nề từ mọi phía trong xã hội. Trong tư tưởng thận trọng, họ Nguyễn vẫn luôn dè chừng - dù rằng buổi đầu và sau này là thỉnh thoảng, đạo Chúa vẫn phần nào được tự do.

Từ năm 1596, các nhà truyền giáo đã chính thức đến Huế và về sau, các họ đạo ra đời, giáo xứ (1680), Tòa giám mục Phủ Cam (1693) hay Chủng viện Thợ Đúc được thiết lập⁽¹¹⁾... cũng là nhờ vào những giai đoạn mềm dẻo đó. Các chúa cũng phần nào, có lúc, tạo điều kiện dễ dàng⁽¹²⁾ và nhờ đó mà đạo Chúa xâm nhập và đứng vững được, nhiều trường hợp hoàng thân theo đạo và một số cha được nhà Chúa sai dùng trong phủ⁽¹³⁾; thậm chí ở phủ Kim Long còn có một nhà nguyện. Tuy nhiên, vấn đề an ninh chính trị luôn được chúa Nguyễn đặt lên hàng đầu, mặt biển được kiểm soát chặt, nhất là đối với thương thuyền ngoại quốc, kể cả trong mục đích thương mại cũng như tôn giáo bởi “trước kia, thuyền bè người Nhật, Trung Quốc, Mã Lai và một số người ngoại quốc khác buôn bán với Đàng Trong đã từng đi vào con sông này (sông Huế). Nhưng số lượng đông đảo và tính tình dữ dằn của nhiều người trong số họ đã làm cho chính quyền lo ngại. Từ đấy trở đi, họ bị chính quyền cấm không cho vào con sông này nữa, rồi vua chỉ định cho họ con sông Faifo và vịnh Tourane để làm cảng, nơi thuyền bè của thương nhân muốn buôn bán với kinh đô có thể đậu lại”⁽¹⁴⁾. Với tư tưởng thận trọng xuyên suốt, có khi bằng những biện pháp rất cương quyết của chính quyền thì “việc

người Âu Châu xâm nhập vào lãnh thổ này luôn luôn bị cấm đoán”⁽¹⁵⁾. Như vậy, cho dù dưới chế độ bảo trợ Bồ hay chế độ đại diện Tông toà thì sự dễ dãi đó cũng chỉ mang tính nhất thời, tùy thuộc vào tình hình chính trị – xã hội và thực tế là các sắc lệnh cấm đạo ngày càng gắt gao: cấm truyền đạo – cấm theo đạo - trục xuất – xử tử.

Ngoài những khó khăn từ phía chính quyền bản xứ như vậy thì mâu thuẫn nội bộ và bất đồng quan điểm đối với phong tục tập quán bản địa cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng chia rẽ, phân tán của đạo Chúa. Đạo thờ cúng tổ tiên đã ảnh hưởng mạnh mẽ, chi phối toàn xã hội; thêm vào đó là những lễ nghi, phong tục tập quán đậm tính truyền thống; những quan niệm về chế độ đa thê⁽¹⁶⁾ cùng sự “thiếu thận trọng, thiếu tôn trọng quyền hạn các nhà chức trách sở tại”⁽¹⁷⁾ của các nhà truyền giáo... là những vấn đề nan giải của đạo Chúa, để lại hậu quả khôn lường.

* * *

Một thực tế có thể dễ dàng nhận thấy ở xứ Đàng Trong thời Chúa Nguyễn là tự do tôn giáo rất được coi trọng và luôn được tôn trọng. Tuy nhiên, trên bước đường độc lập tự chủ, an ninh chính trị là điều kiện tiên quyết trong việc dựng nghiệp và mọi sự thiếu tế nhị, sai phạm đều bị kiểm soát với thái độ rất cương quyết, kể cả bằng các biện pháp mạnh của một chính thể mạnh. Nhờ đó, đời sống tinh thần của cư dân Đàng Trong mang thêm sắc thái mới, góp phần quan trọng trong việc định hình bản sắc – bản lĩnh Đàng Trong: thành công tiên quyết của họ Nguyễn./.

Chú thích.

1. *Vô danh thị - Ô châu cận lục* (Đương Văn An nhuận sắc, tập thành; Bùi Lương phiên dịch). Văn hoá Á Châu, 1961, tr. 69.
2. Giới Hương (dịch). *Văn bia chùa Huế*. Bản viết tay, Huế, Phật lịch 2538, 1994, tr. 42-44.
3. Jean Koffler. *Mô tả lịch sử xứ Nam Kỳ* (Description Historique de la Cochinchine). Bản dịch Tư liệu Khoa lịch sử, Đại học KHXH&NV Hà Nội, tr. 30.
4. Ngải Vương hai lần thỉnh mời nhưng chưa đạt được ước nguyện - trong đó từng có một chuyến đi của sư Nguyễn Thiệu; thời Minh Vương có Thạch Liêm Hoà thượng cùng hơn 50 tăng sĩ sang Thuận Hoá. Năm Giáp Ngọ (1714), Minh Vương còn sai người sang Chiết Giang mua kính *Địa tạng* cùng *Luật* và *Luận* hơn nghìn bộ, đem về để ở chùa Thiên Mụ.
5. Nhâm Dân (1602), sửa chùa Sùng Hoá; chùa Hoà Vinh (1666); chùa Thuận An (1688)... Đặc biệt chùa Thiên Mụ đã có nhiều đợt trùng tu lớn: đợt I năm 1665; riêng đợt trùng tu năm 1714 đã phải làm trong một năm, trở nên "cực kì tráng lệ... (chúa) làm bài minh khắc vào chuông"...
6. Li Tana. *Lịch sử kinh tế - xã hội Đàng Trong thời các chúa Nguyễn thế kỉ XVII - XVIII* (The inner Region: A Social and Economic History of Nguyen Vietnam in the seventeenth and eighteenth centuries). Luận án Tiến sĩ ĐHQG Australia, 9/1992. Bản dịch Nguyễn Văn Huệ - TTBTDT Cố đô Huế, tr. 115.
7. Các ngôi chùa được ban biển ngạch "sắc tứ" xem như là chùa công, được nhà nước ban cấp công nhận; như chùa Thiên Mụ, "nhà sư cai quản ngôi chùa của nhà vua được tôn làm tăng viện trưởng. Ông sư này có quyền hành rất cao và là người duy nhất trong vương quốc không phải quỳ lạy nhà vua". (Jean Koffler. Sđd, tr. 29)
8. Thích Đại Sán. *Hải ngoại ký sự*. Viện ĐH Huế, UBPD sử liệu Việt Nam - 1936, tr. 63, 72, 158.
9. Tướng Gia quận công của họ Trịnh là tù binh của Hiền Vương nhưng được cho vào dạy học ở phủ chúa. Sư đi lại thường xuyên và tiếp xúc với thiền sư Minh Châu làm nảy sinh dư luận rằng cả hai người có âm mưu trốn ra Đàng Ngoài. Hiền Vương bắt giữ để điều tra nhưng không có bằng chứng xác thực, phải thả ra và không cho thiền sư được ở Thiền tịnh viện trên núi Quy Cảnh, phải vào Quảng Nam. Sự cố này dẫn đến chuyện ra đi đột ngột đó.
10. Sư Nguyễn Thiệu trụ trì chùa Vĩnh Ân nhưng chỉ sau vụ người Hoa khởi loạn năm 1692, lại bị chuyển về chùa Hà Trung; tiếp đến cuộc gây biến năm 1693-1694 tại Quảng Ngãi - Quy Nhơn, sợ bị nghi ngờ, liên lụy nên ông đã trốn vào Đồng Nai.
11. Chủng viện Thợ Đúc được thành lập từ năm 1741, lệ định hàng năm, mỗi linh mục phải gửi vào đây hai chủng sinh; hoạt động đến năm 1750 thì giải tán. Sau này, cha Longer thành lập chủng viện Hòa Ninh - Di Loan (Cửa Tùng - 1783) nhưng sau đó cũng sớm bị giải tán.
12. Đầu thế kỉ XVIII, truyền giáo được tiến hành yên ổn. Thư cha Chauseaume gửi về La Mã ngày 5/15/1750 nói rõ: "Từ nhiều năm nay, đạo được giảng dạy và tuyên truyền công khai và 11 năm vừa qua, công việc truyền giáo được tiến hành trong điều kiện tự do hoàn toàn" (M. de la Bissachère - Etat actuel du Tonkin. de la Chochinchine et des royaumes de Cambodge, Laos et Lac Tho [Tình hình hiện nay ở Bắc Hà, Nam Hà và các vương quốc Cao Miên, Lào và Lạc Thổ]. Paris, 1912: I: 51).
13. Như Minh Đức Thái phi - mẹ Nguyễn Phúc Khê (con thứ 6 của chúa Tiên), một người "rất sùng đạo,... tên thánh là Marie - Madeleine, bà là chỗ dựa của nhà thờ mới". (L.Cadière - *Những người Âu đã thấy Huế xưa*: *Linh mục De Rhodes*. B.A.V.H., Thuận Hóa, 1996: II: tr. 221).
- Hiền Vương nhận giáo sĩ Bartholomeu de Costa làm bác sĩ riêng, thừa sai Labbé dạy thiên văn; Minh vương nhận Antonio de Arredo, de Lima dạy toán và thiên văn; ngoài cha Koffler, Võ Vương còn dùng cha Xavier de Monteiro như một nhà thiên văn - địa dư, thầy thuốc Jean de Loureiro...
14. Vũ Hữu Minh. *Tấm bản đồ Huế của Le Floch de la Carrière năm 1787*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học 310 năm Phú Xuân - Huế. Huế, 1997.
15. M. de la Bissachère, Sđd: I, tr. 3.
16. Cha Borthélémy d' Acosta thật sâu sắc khi nhận xét về tình hình đạo Chúa ở khía cạnh này rằng "Thánh thiện và chân thật nhưng rất tai hại về mặt luân lí đối với các chúa thượng vì nó kết tội việc đa thê" (L. Cadière, Sđd, tr. 226).
17. Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Hội. *Lịch sử giáo phận Huế qua các triều đại vua chúa (1596 - 1945)*, 3 tập. Văn phòng Toà Tổng Giám mục Huế, 1994, Tập 1, tr. 117.